TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 29-11-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn V, sinh năm: 1983; Địa chỉ: khu phố N, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu phố N, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Văn V trình bày:

Ông và bà Phạm Thị K tìm hiểu nhau được gần 01 năm thì tiến tới hôn nhân, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 07/8/2006 tại UBND phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa theo giấy chứng nhận kết hôn số 64. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà K thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều lần, ông V đã mấy lần trả nợ thay bà K, đã nhiều lần khuyên bảo nhưng bà K không thay đổi. Hơn nữa, trong đời sống hàng ngày, bà K thường xuyên ăn nhậu với bạn bè, bỏ bê gia đình dẫn đến vợ chồng luôn bất hòa. Nay bà K đã về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng đã ly thân, tình cảm của ông dành cho bà K không còn, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Phạm Thị K.

Về con chung: Ông bà chung sống có 01 con chung là Đỗ Văn B, sinh ngày 17/4/2008, ông V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Phạm Thị K được biết. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà K vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: bị đơn bà Phạm Thị K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; nguyên đơn, ông Đỗ Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của ông Đỗ Văn V xin ly hôn với bà Phạm Thị K là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông V được ly hôn với K; Về con chung: theo nguyện vọng của con chung, đề nghị giao con cho ông V nuôi dưỡng, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Ông V phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đỗ Văn V yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị K, bị đơn đang cư trú tại thành phố Bà Rịa, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn V và bà Phạm Thị K tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64, ngày

07/8/2006 của Ủy ban nhân dân phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông V thì trong quá trình chung sống, giữa ông và bà K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, bà K nhiều lần bài bạc, gây nợ nần dù ông V nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà K vẫn không quan tâm đến gia đình dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà K, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà ông V đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời đã nhiều lần triệu tập bà K đến Tòa án để bà trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của ông V; cũng như thông báo để bà K tham gia các phiên hòa giải nhưng bà K đều vắng mặt không có lý do. Như vậy lời khai của ông V về việc gia đình mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc bà K không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh bà K không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V.

[2.2] Về con chung: Ông V, bà K có con chung tên Đỗ Văn B, sinh ngày 17/4/2008 đang do ông V trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của ông V được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về án phí: Ông V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn V được ly hôn với bà Phạm Thị K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Văn B, sinh ngày 17/4/2008 cho ông V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của ông V không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Đỗ Văn V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2019/0000821 ngày 24/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Ông V đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm . Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND thành phố Bà Rịa;
-Chi cục THA DS thành phố Bà Rịa;
-UBND P. Phước Trung, TP. Bà Rịa;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG